ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2156/QĐ-UBND	*Nghệ An, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2379/TTr-SKHĐT ngày 21/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm Công báo, CTTĐT tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VTUB, CVCN (H).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 25 /7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện, kiểm tra và xử lý sau kiểm tra dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quy chế này không áp dụng đối với:

a) Dự án thực hiện theo Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

b) Dự án đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) ngày 18/6/2020;

c) Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Dự án đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp; dự án trong Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Bắc Trung bộ.

3. Những nội dung khác không quy định trong quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan theo các phương thức quy định tại Điều 4 Quy chế này. Các cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về nội dung, kết quả và thời gian phối hợp.

3. Việc phối hợp giữa các cơ quan phải tuân thủ theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan; đảm bảo tính khách quan, trách nhiệm trong quá trình phối hợp.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung cụ thể của từng công việc cần phối hợp giải quyết, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các phương thức phối hợp sau:

1. Phát hành văn bản đề nghị cơ quan phối hợp tham gia ý kiến, trong đó xác định nội dung đề nghị cho ý kiến phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được lấy ý kiến và thời hạn trả lời cụ thể, phù hợp.

Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thời gian có ý kiến của các cơ quan, đơn vị phối hợp được tính theo thời điểm cơ quan chủ trì nhận được văn bản trả lời qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản điều hành VNPT-iOffice.

2. Tổ chức cuộc họp, cuộc kiểm tra trực tiếp để các bên tham gia thảo luận, thống nhất và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận làm việc.

Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau giữa các đơn vị phối hợp thì cơ quan chủ trì phải tổ chức họp, xác lập biên bản để làm rõ và tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định. Thủ trưởng các cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm cử người đi họp, ý kiến phát biểu của người được cử đi họp được xem là ý kiến chính thức của cơ quan đó. Trường hợp có một hoặc các bên không thống nhất nội dung thì được bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp.

Chương II

PHỐI HỢP QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Mục 1

THEO DÕI, BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Cung cấp thông tin về các dự án đầu tư; theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư và các cơ quan có liên quan báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo quy định tại Quy chế này;

b) Cập nhật thông tin các dự án được chấp thuận/điều chỉnh chủ trương đầu tư; cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư vào Hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh;

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện dự án đầu tư thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện theo dõi dự án đầu tư theo quy định tại Điều 73 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

b) Định kỳ gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện dự án, kết quả kiểm tra và xử lý sau kiểm tra dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chuyên ngành theo quy định tại Quy chế này;

c) Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình thực hiện các thủ tục đầu tư do cơ quan, đơn vị chủ trì giải quyết;

d) Cập nhật thông tin về dự án đầu tư, thủ tục hành chính đã được giải quyết và tiến độ thực hiện dự án đầu tư sau khi được kiểm tra, gia hạn thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình vào Hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh.

3. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Theo dõi, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện dự án trên địa bàn quản lý theo quy định tại Quy chế này;

b) Tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Cập nhật thông tin về dự án đầu tư, thủ tục hành chính đã được giải quyết và tiến độ thực hiện dự án đầu tư sau khi được kiểm tra, gia hạn thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình vào Hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh.

4. Hình thức báo cáo

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi báo cáo bằng văn bản và trực tuyến trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, UBND cấp huyện gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư và cập nhật thông tin vào Hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh.

Điều 6. Nội dung phối hợp thực hiện

1. Định kỳ hàng quý (trước ngày 05 của tháng đầu quý tiếp theo), Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông tin các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các sở, ngành, địa phương có liên quan.

2. Các sở, ngành, địa phương thực hiện theo dõi, giám sát tiến độ đầu tư các dự án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng quý (trước ngày

10 của tháng đầu quý tiếp theo) gửi văn bản cung cấp thông tin về tình hình thực hiện các dự án đầu tư về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư và Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Mục 2
CÔNG TÁC KIỂM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 7. Hình thức kiểm tra

1. UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động đầu tư, trừ các dự án quy định tại khoản 2 Điều này. Việc kiểm tra của đoàn kiểm tra liên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 8, 9, 10 và 11 Quy chế này.

2. UBND cấp huyện chủ trì, kiểm tra các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND cấp huyện theo quy định của pháp luật về đất đai (trừ các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh mà chưa được giao đất, cho thuê đất). Việc kiểm tra, xử lý dự án do UBND cấp huyện chủ trì thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện kiểm tra các dự án thuộc lĩnh vực chuyên ngành, trừ các dự án quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Việc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 8. Lập kế hoạch của đoàn kiểm tra liên ngành

1. Trước ngày 15/12 hằng năm, các cơ quan, đơn vị lập danh mục các dự án cần kiểm tra trong năm tiếp theo, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể như sau:

- Sở Xây dựng lập danh mục các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản theo chức năng quản lý của ngành;

- Sở Tài nguyên và Môi trường lập danh mục các dự án đầu tư đã được giao đất, cho thuê đất theo chức năng quản lý của ngành;

- Sở Công Thương lập danh mục các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng các cụm công nghiệp; các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại; các dự án thuộc lĩnh vực điện năng;

- Cục Thuế tỉnh lập danh mục các dự án đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước chưa đầy đủ, quá thời hạn và các dự án khác cần kiểm tra;

- UBND cấp huyện lập danh mục các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư trên địa bàn;

- Các cơ quan quản lý chuyên ngành khác lập danh mục dự án thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của cơ quan mình.

2. Trên cơ sở danh mục dự án do UBND cấp huyện và các sở, ngành cung cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch kiểm tra kèm danh mục các dự án kiểm tra, lấy ý kiến của Thanh tra tỉnh để tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình kiểm tra và báo cáo, trình UBND tỉnh trước ngày 15/3 hàng năm. Trong đó, danh mục dự án kiểm tra của Đoàn kiểm tra liên ngành chủ yếu tập trung vào các dự án chậm tiến độ đã được các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra nhưng chưa hoàn thành theo tiến độ, dự án đã được điều chỉnh quy hoạch nhiều lần, dự án có ý kiến phản ánh của dư luận, cử tri, dự án đầu tư tại các trục/tuyến đường chính, dự án được UBND tỉnh chỉ đạo kiểm tra.

3. Đối với các dự án không đưa vào kế hoạch kiểm tra của đoàn liên ngành, trên cơ sở kết quả rà soát, báo cáo tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh phân công cho các cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND cấp huyện hoặc cơ quan có liên quan kiểm tra, báo cáo.

4. Đối với các dự án đầu tư đã được kiểm tra của các đoàn kiểm tra nhưng nhà đầu tư có nhu cầu điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan. Trong quá trình lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến theo chức năng nhiệm vụ chủ động kiểm tra (nếu cần thiết), xem xét các nội dung theo lĩnh vực quản lý, sau kiểm tra có văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Kế hoạch kiểm tra của đoàn liên ngành phải cụ thể các nội dung sau:

- Mục đích, yêu cầu kiểm tra;

- Đối tượng kiểm tra, danh mục dự án kiểm tra;

- Nội dung kiểm tra;

- Phương pháp kiểm tra;

- Thành phần đoàn kiểm tra, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên đoàn kiểm tra;

- Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong phối hợp kiểm tra;

- Thời hạn kiểm tra, thời gian thực hiện báo cáo;

- Kinh phí tổ chức kiểm tra./.

Điều 9. Thành lập đoàn kiểm tra và phê duyệt kế hoạch kiểm tra

UBND tỉnh phê duyệt thành lập đoàn kiểm tra và kế hoạch kiểm tra, trong đó phân công các cơ quan chủ trì:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Là cơ quan chủ trì Đoàn kiểm tra liên ngành; Chủ trì kiểm tra, báo cáo các dự án chưa được giao đất, cho thuê đất; bao gồm cả các dự án chưa được giao đất, cho thuê đất của hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (trừ các dự án thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản);

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì kiểm tra, báo cáo các dự án đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất (trừ các dự án thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản);

- Sở Xây dựng: Chủ trì kiểm tra, báo cáo các dự án thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật về kinh doanh bất động sản.

Điều 10. Kiểm tra dự án

1. Cơ quan được phân công chủ trì kiểm tra thông báo bằng văn bản cho đối tượng kiểm tra và các cơ quan liên quan tối thiểu 15 ngày trước khi tiến hành kiểm tra thực địa; đồng thời thu thập, tổng hợp các thông tin, tài liệu có liên quan trước khi kiểm tra.

2. Đoàn kiểm tra liên ngành phối hợp với nhà đầu tư tiến hành kiểm tra dự án tại khu đất thực hiện dự án. Nội dung kiểm tra bao gồm:

a) Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực đầu tư (thủ tục đầu tư, chuẩn bị đầu tư, tiến độ triển khai dự án so với cam kết, các nội dung có liên quan khác);

b) Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực xây dựng (quy hoạch xây dựng, việc chấp hành pháp luật trong hoạt động xây dựng, hoạt động đầu tư kinh doanh của dự án và các nội dung liên quan);

c) Việc chấp hành pháp luật đất đai: Kiểm tra việc lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, tiến độ đưa đất vào sử dụng và mục đích sử dụng đất;

d) Việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách các khoản thu về đất và các nội dung có liên quan khác đến pháp luật về đất đai.

3. Lập biên bản kiểm tra, trong đó làm rõ các nội dung: Tình hình bồi thường, giải phóng mặt bằng; xác định cụ thể những công trình đã xây dựng, chưa xây dựng; diện tích chưa xây dựng; các nội dung vi phạm của nhà đầu tư; kết luận của đoàn kiểm tra.

Biên bản kiểm tra phải được ký bởi các thành viên đoàn kiểm tra, đại diện chính quyền địa phương và đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư. Trường hợp

đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư vắng mặt thì phải có giấy ủy quyền theo quy định.

4. Đối với các trường hợp phức tạp hoặc trường hợp nhà đầu tư vắng mặt, cơ quan chủ trì đoàn kiểm tra vẫn tiến hành lập biên bản và báo cáo UBND tỉnh kịp thời giải quyết.

Điều 11. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Chậm nhất sau 20 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra, cơ quan được phân công chủ trì kiểm tra dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra, gửi lấy ý kiến bằng văn bản (hoặc tổ chức họp để thống nhất) các thành viên đoàn kiểm tra và các cơ quan có liên quan.

2. Sau khi có ý kiến của thành viên đoàn kiểm tra, cơ quan được phân công chủ trì kiểm tra tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan chủ trì đoàn kiểm tra) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Cơ quan chủ trì đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm toàn diện về việc kiểm tra, kết quả kiểm tra, phương án xử lý các dự án do cơ quan mình chủ trì tham mưu thực hiện.

3. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan chủ trì kiểm tra, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về nhà đầu tư (Tên nhà đầu tư, địa chỉ trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, người đại diện theo pháp luật);

b) Thông tin về dự án đầu tư (Tên dự án, địa điểm thực hiện, vị trí, quy mô, mục tiêu đầu tư, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư đăng ký, tiến độ đăng ký);

c) Các thủ tục pháp lý đã thực hiện;

d) Số lần đã được kiểm tra và thời gian đã được cho gia hạn;

đ) Tiến độ thực hiện dự án đến thời điểm kiểm tra:

- Đối với các dự án chưa được giao đất, cho thuê đất: diện tích đất chưa bồi thường, thỏa thuận, nhận chuyển nhượng; diện tích đất đã bồi thường, thỏa thuận, nhận chuyển nhượng; giá trị bồi thường (nếu có);

- Đối với các dự án đã được giao đất, cho thuê đất: xác định cụ thể công trình và diện tích đã xây dựng/chưa xây dựng, tầng cao công trình;

e) Nguyên nhân dự án chậm tiến độ (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan), những khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án; kiến nghị, đề xuất của nhà đầu tư;

g) Các nội dung vi phạm;

h) Căn cứ pháp lý để xử lý vi phạm;

i) Kiến nghị, đề xuất phương án xử lý:

- Đối với trường hợp cho gia hạn phải nêu rõ thời gian cho gia hạn của từng dự án, mốc thời gian cho gia hạn (từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm), diện tích được gia hạn theo các quyết định giao đất, thuê đất của khu đất thực hiện dự án; nghĩa vụ của nhà đầu tư phải thực hiện trong trường hợp được gia hạn;

- Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi đất phải nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động, thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai.

Điều 12. Kiểm tra các dự án thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất của UBND cấp huyện

1. UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã, các phòng chuyên môn trực thuộc thực hiện rà soát, lập danh mục dự án cần kiểm tra, phê duyệt thành lập đoàn kiểm tra và kế hoạch kiểm tra theo các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy chế này. Đoàn kiểm tra do UBND cấp huyện thành lập bao gồm đại diện các phòng chuyên môn, đại diện UBND cấp xã.

2. Kế hoạch kiểm tra do UBND cấp huyện lập được gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

3. Trình tự, nội dung thực hiện công tác kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra theo nội dung quy định tại Điều 10 và khoản 4 Điều 11 Quy chế này.

4. Đối với dự án của hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, UBND cấp huyện gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các sở, ngành liên quan về dự thảo báo cáo kết quả kiểm tra và báo cáo UBND tỉnh trước khi ban hành quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra. Các sở, ngành được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến và các tài liệu liên quan (nếu có).

5. Đối với dự án của hộ gia đình, cá nhân không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt kết quả kiểm tra mà không cần gửi lấy ý kiến các sở, ngành và báo cáo UBND tỉnh.

Điều 13. Kiểm tra chuyên ngành

1. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành lập kế hoạch kiểm tra, danh mục dự án kiểm tra, lấy ý kiến của Thanh tra tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi kiểm tra để theo dõi, tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình kiểm tra.

2. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành phát hiện nhà đầu tư đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất thì có văn bản gửi Cục Thuế tỉnh để xác định, thông báo cho nhà đầu tư nộp khoản tiền bổ sung trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Mục 3
XỬ LÝ DỰ ÁN SAU KIỂM TRA

Điều 14. Phê duyệt kết quả kiểm tra

1. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra đối với các dự án thuộc đoàn kiểm tra liên ngành do UBND tỉnh thành lập.

2. Đối với các dự án quy định tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này, trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các sở, ngành và UBND tỉnh về báo cáo kết quả kiểm tra, UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra.

3. Đối với các dự án quy định tại khoản 5 Điều 12 Quy chế này, trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra.

4. Quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra gồm các nội dung sau đây:

a) Hình thức xử lý từng dự án

- Đối với trường hợp cho gia hạn tiến độ thực hiện, tiến độ sử dụng đất phải nêu rõ thời gian cho gia hạn của từng dự án, mốc thời gian cho gia hạn (từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm), diện tích được gia hạn theo các quyết định giao đất, thuê đất của khu đất thực hiện dự án;

- Đối với trường hợp chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi đất phải nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động, thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai.

b) Nghĩa vụ của nhà đầu tư phải thực hiện;

c) Phân công trách nhiệm cụ thể các nội dung chỉ đạo sau kiểm tra cho từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 15. Xử lý sau khi phê duyệt kết quả kiểm tra

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra, cơ quan chủ trì đoàn kiểm tra/UBND cấp huyện thông báo kết quả phê duyệt đến nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan; đồng thời cập nhật thông tin vào Hệ thống quản lý dự án đầu tư của tỉnh.

Cơ quan chủ trì đoàn kiểm tra/UBND cấp huyện theo dõi, tổng hợp quá trình xử lý theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra. Các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công thực hiện xử lý sau kiểm tra.

2. Xử lý các dự án được gia hạn tiến độ thực hiện, tiến độ sử dụng đất

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định gia hạn tiến độ thực hiện/tiến độ sử dụng đất của cơ quan có thẩm quyền, Cơ quan Thuế xác định, thông báo cho nhà đầu tư khoản tiền nộp bổ sung trong thời gian

được gia hạn khi đã đủ thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai và văn bản hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định và thông báo kịp thời khoản tiền bổ sung trong thời gian được gia hạn hoặc còn có vướng mắc, Cơ quan Thuế tiếp tục phối hợp với các sở, ngành có liên quan để xử lý theo quy định.

b) Điều chỉnh dự án đầu tư

- Đối với dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu thuộc trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Đầu tư) sau khi có văn bản đồng ý chủ trương cho phép gia hạn/quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

- Đối với dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn tiến độ thực hiện dự án/tiến độ sử dụng đất, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi có văn bản đồng ý chủ trương cho phép gia hạn/quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của cấp có thẩm quyền.

c) Xử lý tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh/UBND cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét xử lý tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Xử lý các dự án không cho phép gia hạn tiến độ thực hiện/tiến độ sử dụng đất

a) Danh mục các dự án bị chấm dứt hoạt động, thu hồi đất, chậm tiến độ sử dụng đất được đăng tải công khai trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ngành và địa phương.

b) Đối với các dự án bị thu hồi đất theo quy định pháp luật về đất đai

- Phòng Tài nguyên và Môi trường của UBND cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham mưu cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có), giao tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Đồng thời gửi thông báo kết quả thu hồi đất về Sở Kế hoạch và Đầu tư để chấm dứt hoạt động dự án, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư/giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Việc xử lý quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan./.

- Sau khi nhận được quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan Thuế phối hợp với các cơ quan liên quan xác định và thông báo cho nhà đầu tư khoản tiền phải nộp bổ sung trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất theo quy định pháp luật hiện hành.

c) Đối với các dự án chưa được giao đất, thuê đất bị chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật về đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan được biết. Đồng thời, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Đối với các dự án đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn tiến độ sử dụng đất nhưng hết thời gian gia hạn mà nhà đầu tư vẫn chưa hoàn thành dự án:

Cơ quan Thuế phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường của UBND cấp huyện) rà soát, xác định và thông báo khoản tiền phải nộp bổ sung trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất cho đến thời điểm hoàn thành dự án hoặc đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền có quyết định xử lý tiếp theo (quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật đất đai hoặc tiếp tục gia hạn để thực hiện dự án).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì theo dõi, tổng hợp kết quả phối hợp thực hiện của các tổ chức, cá nhân liên quan theo Quy chế này;

b) Thực hiện quản lý các dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật;

c) Chịu trách nhiệm phối hợp, cho ý kiến về phương án xử lý các dự án chậm tiến độ chưa được giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đầu tư (kể cả các dự án thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản);

d) Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh đối với các dự án do cơ quan mình chủ trì kiểm tra.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện quản lý các dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công tác theo dõi tình hình triển khai dự án thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành; chủ động phát hiện, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vi phạm trong hoạt động đầu tư;

c) Chịu trách nhiệm phối hợp, cho ý kiến về phương án xử lý các dự án chậm tiến độ đã được giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (kể cả các dự án thuộc lĩnh vực phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản. Cung cấp thông tin địa chính của dự án cho Cơ quan Thuế để làm căn cứ xác định nghĩa vụ tài chính đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện;

d) Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh đối với các dự án do cơ quan mình chủ trì kiểm tra.

3. Sở Xây dựng

a) Thực hiện quản lý các dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công tác theo dõi tình hình triển khai dự án thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành; chủ động phát hiện, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vi phạm trong hoạt động đầu tư;

d) Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh đối với các dự án do cơ quan mình chủ trì kiểm tra.

4. Cơ quan Thuế

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan xác định, thông báo khoản tiền bổ sung đối với thời gian chậm tiến độ thực hiện dự án trong thời gian được gia hạn tiến độ sử dụng đất (đối với trường hợp được gia hạn tiến độ sử dụng đất) hoặc trong thời gian không sử dụng đất hoặc chậm tiến độ sử dụng đất (đối với trường hợp không được gia hạn tiến độ sử dụng đất, hết thời gian gia hạn tiến độ sử dụng đất) theo quy định của pháp luật.

b) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành các khoản nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách Nhà nước. Trường hợp nhà đầu tư không chấp hành nộp hoặc nộp không đầy đủ các khoản nghĩa vụ tài chính đã thông báo thì thực hiện áp dụng biện pháp theo quy định của pháp luật để yêu cầu nhà đầu tư phải hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

5. Thanh tra tỉnh

Phối hợp cho ý kiến đối với danh mục các dự án đầu tư cần kiểm tra do các cơ quan gửi đến để tránh để tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình kiểm tra.

6. Các cơ quan có liên quan khác./

a) Thực hiện quản lý các dự án đầu tư theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và theo quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công tác theo dõi tình hình triển khai dự án thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý nhà nước của ngành; chủ động phát hiện, giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vi phạm trong hoạt động đầu tư;

c) Chủ động hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục liên quan đến việc triển khai thực hiện của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ngành quản lý; kịp thời xử lý theo thẩm quyền những khó khăn vướng mắc, hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

7. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện của các dự án đầu tư trên địa bàn quản lý;

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, quản lý và tổ chức thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt trên địa bàn;

c) Chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quyết định phê duyệt kết quả kiểm tra của UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo, tham mưu trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN